

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11** /2019/HNGĐ-ST
Ngày 03 tháng 10 năm 2019
*“V/v Tranh chấp hôn nhân
gia đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Phương Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Tâm

Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao tham gia phiên tòa:

Bà: Đặng Nguyễn Hải Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 155/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu T** – sinh năm 1992

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tiểu khu B, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La.

(Có mặt)

Bị đơn: Anh **Lê Đức H** – sinh năm 1971

Địa chỉ: Khu 12B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cũng như các lời khai tại tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Chị và anh Lê Đức H đăng ký kết hôn ngày 26/9/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu, mặc dù hai bên gia đình không ủng hộ việc vợ chồng kết hôn và hai gia đình không qua lại với nhau nhưng chị T và anh H vẫn tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống ở thành phố V, tỉnh Phú Thọ, do anh H làm thợ mỏ ở xa vợ chồng chưa có nhà nên phải đi ở trọ. Quá trình chung sống, anh chị chuyển chỗ trọ nhiều lần nhưng không nhớ địa chỉ cụ thể và cũng không làm thủ tục cư trú ở đâu cả. Mặc dù hai vợ chồng đăng ký hộ khẩu thường trú ở thị trấn L, huyện L nhưng hai vợ chồng không sinh sống ở đây mà chỉ những ngày lễ tết hoặc ngày nghỉ thì về thăm mẹ đẻ anh H là bà Lê Thị C hiện đang sống ở đây.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi kết hôn đến khi sinh con thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do công việc của hai vợ chồng gặp nhiều khó khăn, anh H lại mãi chơi không tập trung làm ăn. Chị T đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không thay đổi, không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng mất dần tình cảm. Đến tháng 12 năm 2015 sau nhiều lần mâu thuẫn chị T quyết định đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở xã C, huyện M, tỉnh Sơn La sinh sống. Anh H khi đó vẫn ở trọ ở thành phố V và thỉnh thoảng về thăm mẹ ở thị trấn L, huyện Lâm Thao.

Sau khi vợ chồng ly thân, anh H thỉnh thoảng có liên hệ qua điện thoại hỏi thăm và có 02 lần lên thăm con. Nhưng từ cuối năm 2016 đến nay anh H không lên thăm con một lần nào nữa. Quá trình đó gia đình anh H đã bán nhà và tài sản chuyển đi nơi khác sinh sống mà không thông báo bất cứ thông tin nào cho chị. Đến khoảng tháng 5 năm 2019 khi chị T liên lạc với anh H để làm thủ tục ly hôn thì anh H vẫn kiên quyết không nói địa chỉ anh H và gia đình đang ở cho chị T biết.

Chị T xác định vợ chồng chị đã từ lâu không có thông tin gì về cuộc sống của nhau, không có sự sẻ chia và không ai quan tâm, hỏi han đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, hai người không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa, nên chị xin được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: chị T xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Đức A, sinh ngày 27/02/2014. Khi ly hôn chị T xin được nuôi cháu A vì cháu ở với mẹ từ năm 2015 là khi vợ chồng ly thân đến nay và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: chị T xác định vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày 03/10/2019:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và trình bày về mâu thuẫn vợ chồng cũng như lý do anh H không đến Tòa án làm việc là do: khi chị liên lạc qua điện thoại với anh H để nói với anh H về chuyện vợ chồng ly hôn nhưng anh H không đồng ý nên anh nói anh không cung cấp nơi ở hiện tại của anh cho chị T biết và anh cũng không đến Tòa án làm việc vì anh H muốn gây khó khăn cho chị. Chị xin được ly hôn anh H vì vợ chồng không còn tình cảm với nhau.

Bị đơn anh Lê Đức H vắng mặt lần 2 không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: trong thời gian chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án;

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án; bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật nên không đảm bảo được quyền lợi của mình.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu T, xử cho chị T được ly hôn với anh H; về con chung: giao con chung là cháu Lê Đức A, sinh ngày 27/02/2014 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không đặt ra xem xét; về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét; chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh Lê Đức H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: khu 12B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ lời trình bày của chị T, Tòa án đã tiến hành xác minh về việc anh Lê Đức H hiện có mặt ở địa phương hay

không thì được cung cấp như sau: anh Lê Đức H cùng mẹ đẻ là bà Lê Thị C, vợ là chị Nguyễn Thị Thu T và con là Lê Đức A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 12B, thị trấn L, huyện L. Tuy nhiên, anh H cùng gia đình không ai có mặt tại địa phương từ tháng 5 năm 2019 đến nay. Khi chuyển đi anh H cùng gia đình không ai khai báo với chính quyền địa phương nên địa phương không nắm được thông tin anh H và gia đình đi đâu, làm gì.

Xét thấy, việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án không đảm bảo việc anh H sẽ nhận được thông tin và theo đơn đề nghị của chị T vì vậy theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc vì vậy Thẩm phán chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải được. Anh H được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 mà vắng mặt không có lý do, căn cứ vào quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Lê Đức H.

[3] Về nội dung vụ án:

Thứ nhất, về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lê Đức H là hôn nhân hợp pháp, hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu có đăng ký hôn tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Vợ chồng chị T, anh H sau khi kết hôn thì thuê trọ ở tại nhiều nơi trên địa bàn thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Nơi ở không cố định và cũng không làm thủ tục đăng ký tạm trú với chính quyền địa phương. Quá trình chung sống, theo chị T trình bày vợ chồng hạnh phúc đến khi chị sinh con thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Tháng 12 năm 2015 chị T và con bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Kết quả ủy thác xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La thể hiện: qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị T và con trai hiện đang sinh sống thì được ông Phạm Mạnh T -Tiểu khu phó, tiểu khu B, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La cung cấp: vào năm 2015 thì thấy chị T cùng con trai lên nhà mẹ đẻ là nhà bà N sinh sống và bà N có đi nhập khẩu cho mẹ con cháu T chung vào sổ hộ khẩu của gia đình bà N từ năm 2015. Đến nay vẫn thấy cháu T cùng con trai ở với bà N. Là hàng xóm và là Tiểu khu phó nhưng chưa bao giờ ông T thấy bố cháu Đức A lên thăm nom cháu cũng như lên gia đình bà N chơi.

Bà Nguyễn Thị N, là mẹ đẻ chị T cung cấp: Năm 2013 chị T kết hôn với anh Lê Đức H và có nhập khẩu về gia đình nhà chồng ở thị trấn L, huyện L. Sau đó năm 2014 chị T có nói vợ chồng lục đục, không hạnh phúc nên chị T có gửi con trai là cháu Lê Đức A lên nhà bà còn chị T vẫn ở nhà chồng. Bà N đã nhập khẩu cho mẹ con chị T vào hộ khẩu nhà bà ở Tiểu khu B, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Đến năm 2015 thì mẹ con chị T chuyển về sinh sống cùng gia đình từ đó đến nay. Chị T đã xin đi làm ở công ty gần nhà, từ khi mẹ con chị T chuyển về Sơn La thì trong 2 năm đầu anh H có lên thăm con được 1-2 lần, sau đó chưa bao giờ thấy anh H quay lại thăm vợ con.

Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, hai bên đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nên tình nghĩa vợ chồng không còn. Xét đề nghị được ly hôn của chị T là chính đáng và hợp pháp vì vậy cần xử cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp với Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Thứ hai, về con chung: chị Nguyễn Thị Thu T xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Đức A, sinh ngày 27/02/2014. Khi ly hôn chị T xin được nuôi con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T. Xét cháu A hiện nay đang ở với chị T, hơn nữa vụ án được giải quyết vắng mặt bị đơn là anh H nên cần giao con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T do chị T không yêu cầu.

Thứ ba, về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp gia đình: chị Nguyễn Thị Thu T xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên do vụ án được tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn là anh Lê Đức H do vậy không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Lê Đức H.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Lê Đức A, sinh ngày 27/02/2014 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T vì chị T không yêu cầu.

Không ai được ngăn cản quyền thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (xác nhận chị T đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002622 ngày 14/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao).

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn L, huyện L;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Phương Thúy